



àn biān

岸边

noun · shore, bank

Example Sentences

xiǎo chuán tíng zài àn biān

小船停在岸边。

The small boat is docked at the shore.

hái zǐ men zài hé biān àn biān wán shuǎ

孩子们在河边岸边玩耍。

The children are playing by the riverbank.

hǎi làng pāi dǎ zhe àn biān fā chū zhèn zhèn xiǎng shēng

海浪拍打着岸边，发出阵阵响声。

The waves crash against the shore, making a rumbling sound.

Trace each character, then write the word on your own.

岸	岸	岸	岸	岸	岸	岸	岸	岸	岸	岸
边	边	边	边	边	边	边	边			